|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT** | **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1412 /BC-SNNPTNT | *Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 8 năm 2019* |

**BÁO CÁO SƠ KẾT**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 13-CT/TW**

Thực hiện Công văn số 3626/BNN-TCLN ngày 27/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Công văn số 3580/UBND-NN ngày 07/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc đánh giá tình hình thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện như sau:

**Phần I**

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TRƯỚC KHI CHỈ THỊ 13-CT/TW BAN HÀNH**

**(GIAI ĐOẠN 2011 - 2016)**

**I. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG**

**1. Khái quát hiện trạng tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp của tỉnh giai đoạn 2011 - 2016**

Từ năm 2011 - 2016, diện tích rừng tăng ổn định qua các năm, tỷ lệ che phủ rừng đạt 56,3% vào năm 2016, thuộc nhóm cao nhất trong cả nước, công tác quản lý bảo vệ rừng có nhiều tiến bộ, sản xuất lâm nghiệp đã trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng góp phần đáng kể nâng cao đời sống của người dân ở vùng nông thôn, miền núi. Đặc biệt, hoạt động trồng rừng gỗ lớn gắn với chứng chỉ rừng FSC đang trên đà phát triển và có kết quả tốt.

Tuy nhiên, sản xuất lâm nghiệp vẫn còn một số tồn tại và thách thức như tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp vẫn tiềm ẩn những diễn biến phức tạp; năng suất, chất lượng, giá trị rừng trồng còn thấp, tăng trưởng sản xuất lâm nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

**2. Hiện trạng tài nguyên rừng năm 2017 và 2018**

Đến năm 2018, diện tích rừng và đất quy hoạch lâm nghiệp toàn tỉnh đạt 348.789,28 ha, trong đó diện tích đất có rừng 311.051,09 ha, trong đó rừng tự nhiên là 211.376,97 ha, rừng trồng là 99.674,12 ha. Độ che phủ rừng toàn tỉnh hiện nay đạt 57,34% [[1]](#footnote-1) thuộc nhóm cao trong cả nước.

**II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2016**

Từ năm 2011 - 2016, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được chú trọng, đặc biệt tập trung chỉ đạo kiểm soát các vùng trọng điểm về phá rừng, cháy rừng và quản lý có hiệu quả hoạt động chuyển mục đích sử dụng rừng đúng quy định. Tình hình khai thác, vận chuyển, săn bắt động vật rừng, mua bán trái phép lâm sản trên địa bàn tỉnh những năm trước đây xảy ra khá nghiêm trọng ở nhiều nơi, nhưng qua thời gian thực hiện Chỉ thị số 12/2003/CT-TTg[[2]](#footnote-2) và Chỉ thị số 1685/CT-TTg[[3]](#footnote-3) thì tình trạng trên đã giảm rõ rệt. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như sau:

- Về công tác chống chặt phá rừng, lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp

Tình hình lấn, chiếm rừng và đất lâm nghiệp diễn ra phức tạp. Tình trạng khai thác lâm sản trái phép tại một số khu vực trọng điểm vẫn còn diễn ra; đặc biệt là ở khu vực giáp ranh; cấp ủy và chính quyền địa phương cấp xã chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg[[4]](#footnote-4); rừng tự nhiên tại một số địa phương đã giao cho cộng đồng, nhóm hộ và hộ gia đình quản lý, nhưng hiệu quả quản lý chưa cao. Việc xử lý vi phạm còn hạn chế, kéo dài do công tác điều tra xác minh các vụ vi phạm về lấn chiếm rừng rất khó khăn.

- Về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR)

Một số bộ phận người dân sống gần rừng còn chủ quan, sử dụng lửa bất cẩn trong các hoạt động đốt xử lý thực bì, đốt rác, đốt hương viếng mộ, đốt tổ ong...gây cháy rừng; công tác vệ sinh rừng sau khai thác đối với chủ rừng trồng tư nhân còn kém, chưa tuân thủ quy trình là những nguyên nhân chủ yếu gây cháy rừng; đầu tư trang thiết bị phục vụ cho công tác PCCCR của địa phương xã và chủ rừng tư nhân hạn chế, chủ yếu dựa vào phương tiện, dụng cụ của các đơn vị chức năng, chủ rừng Nhà nước; việc thành lập, kiện toàn và củng cố các tổ đội quần chúng bảo vệ rừng tại các xã, thôn, bản đã được thực hiện, tuy nhiên còn mang tính hình thức nên khi xảy ra cháy, việc huy động người dân địa phương tham gia chữa cháy còn hạn chế.

Một tồn tại của công tác PCCCR từ nhiều năm là việc xử lý các hành vi vi phạm của chính quyền các địa phương và các cơ quan tố tụng còn chậm, chưa thực sự quyết liệt nên không đủ sức răn đe. Công tác xử lý theo thủ tục tố tụng hình sự, thiếu sự đôn đốc, phối hợp cơ quan điều tra có thẩm quyền để xử lý kịp thời nên ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục, răn đe, phòng ngừa vi phạm.

**Phần II**

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**CHỈ THỊ SỐ 13-CT/TW**

**I. CÔNG TÁC QUÁN TRIỆT, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

Thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng (sau đây gọi tắt là Chỉ thị 13-CT/TW), Thường trực Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 27-CTr/TU ngày 23/8/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (sau đây gọi tắt là Chương trình 27-CTr/TU) và Uỷ ban nhân dân tỉnh đã xây dựng Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 23/10/2017 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP và Chương trình 27-CTr/TU (sau đây gọi tắt là Kế hoạch 216/KH-UBND) để tổ chức thực hiện có hiệu quả nội dung Chỉ thị 13-CT/TW; nhằm tăng cường sức chiến đấu của toàn bộ hệ thống chính trị, sự tham gia mạnh mẽ của các cộng đồng dân cư, và thúc đẩy hoạt động có hiệu quả chính quyền các địa phương, ban ngành, đoàn thể và lực lượng chuyên trách như: Kiểm lâm, Công an, Quân đội để quản lý chặt chẽ rừng và đất rừng, bảo vệ hiệu quả diện tích rừng tự nhiên, không để tồn tại các điểm nóng phá rừng, kịp thời xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật lâm nghiệp.

Ngoài ra, Sở Nông nghiệp và PTNT (sau đây viết tắt là Sở) đã ban hành Kế hoạch 1897/KH-SNNPTNT ngày 15/12/2017 để triển khai thực hiện Kế hoạch 216/KH-UBND và có văn bản chỉ đạo các đơn vị tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 13-CT/TW.

Uỷ ban nhân dân 9 huyện, thị xã, thành phố Huế cũng đã xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy đã ban hành chương trình hành động thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW.

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, uỷ ban nhân dân cấp huyện, các cấp ủy Đảng đã tổ chức Hội nghị triển khai Chỉ thị13-CT/TW, Nghị quyết 71/NQ-CP, Chương trình 27-CTr/TU và Kế hoạch 216/KH-UBND. *(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)*

**II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỪ KHI CÓ CHỈ THỊ 13-CT/TW**

**1. Công tác tuyên truyền**

Các sở, ban, ngành, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW đã chủ động đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, thái độ, trách nhiệm trong nội bộ cán bộ, đảng viên cũng như cộng đồng dân cư, chủ rừng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng (QLBV&PTR); xây dựng được gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến về QLBV&PTR. Qua đó, đã tăng cường sự giám sát của người dân, cộng đồng, các đoàn thể xã hội đối với công tác QLBV&PTR; đã xây dựng phong trào toàn dân tham gia vào công tác QLBV&PTR bằng nhiều hình thức phong phú, đặc biệt thông qua việc thành lập các tổ, đội quần chúng bảo vệ rừng hoạt động hiệu quả tại cơ sở. *(Chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm)*

**2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về QLBV&PTR**

Tiếp tục tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của Trung ương và tỉnh đã ban hành.

a. Kiện toàn, củng cố tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các ngành, các cấp.

Năm 2018, UBND tỉnh đã kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo)[[5]](#footnote-5). Trong quá trình hoạt động, Ban Chỉ đạo đã tham mưu kiện toàn lại để phù hợp với từng giai đoạn, thành lập Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo để tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng (QLBVR&PCCCR) trên địa bàn tỉnh.

Ban Chỉ đạo đã chỉ đạo quyết liệt việc triển khai Chỉ thị số 13-CT/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Chương trình 27-CTr/TU và Kế hoạch số 216/KH-UBND. Đến nay, tất cả các địa phương, tổ chức đơn vị đều xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị. Qua đó, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu đã được tăng cường, đặc biệt sự giám sát của người dân, cộng đồng, các đoàn thể xã hội đối với công tác QLBV&PTR đã được phát huy nên đã tạo nhiều chuyển biến tích cực.

Ban Chỉ đạo cấp huyện, cấp xã cũng được thành lập nhằm triển khai các hoạt động đã được đưa vào Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững (CTrMTPTLNBV) tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 như:

- Chỉ đạo, kiểm tra việc lập và thực hiện CTrMTPTLNBV theo giai đoạn và hàng năm; xây dựng và triển khai phương án QLBVR&PCCCR theo quy định của pháp luật; phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng rừng và giá trị gia tăng các sản phẩm từ lâm nghiệp.

- Chỉ đạo triển khai có hiệu quả Kế hoạch hành động giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng, suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng cacbon rừng (PRAP) và chuẩn bị sẵn sàng thực thi REDD+.

- Thông qua kế hoạch và phân bổ nguồn lực thực hiện CTrMTPTLNBV hàng năm và theo giai đoạn của tỉnh.

- Điều hành, phối hợp hoạt động giữa các sở, ban, ngành liên quan và UBND cấp huyện trong quá trình tổ chức chỉ đạo thực hiện các kế hoạch hàng năm.

- Tổ chức thực hiện các nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các hướng dẫn và yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và PTNT, chỉ đạo thực hiện các Chỉ thị của UBND tỉnh trong lĩnh vực QLBVR, phát triển rừng bền vững trên địa bàn tỉnh.

b. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách về QLBV&PTR ở địa phương.

- Rà soát mạng lưới quản lý bảo vệ rừng, xây dựng phương án kiện toàn mạng lưới các Trạm Kiểm lâm và quy định chức năng nhiệm vụ của các Hạt Kiểm lâm, Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Để chấn chỉnh tình trạng quản lý lỏng lẻo, để xảy ra tình trạng phá rừng, lấn, chiếm rừng, đất rừng diễn ra hầu như tất cả các địa phương trong tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 65/2015/CT-UBND ngày 04/12/2016 về việc tăng cường công tác quản lý rừng, đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là Chỉ thị 65). Qua thời gian thực hiện, đã đưa lại những kết quả tích cực trong việc tổ chức quản lý rừng và đất lâm nghiệp tại các địa phương, tiến tới xác định rõ nguồn gốc và chủ sở hữu rừng, đất rừng, tránh xảy ra tình trạng tranh chấp, lấn, chiếm, phá rừng tại các địa phương trong toàn tỉnh.

- Sở đã thí điểm xây dựng Phương án tập trung lực lượng giữa Kiểm lâm và chuyên trách bảo vệ rừng của các chủ rừng, đóng chung một chỗ “cùng ăn, cùng ở, cùng làm”. Sau hơn một năm thực hiện có hiệu quả, đã nhân rộng nhiều tuyến, khu vực và tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 quy định Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ rừng giữa Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị đối với công tác QLBV&PTR.

c. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát

Hàng năm Chi cục Kiểm lâm đều xây dựng đề cương thanh tra, kiểm tra và được Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát, phê duyệt đảm bảo theo đúng quy định. Đối với công tác thanh tra, kiểm tra đều có sự phối hợp chặt chẽ trong ngành và liên ngành đúng theo quy định, tránh việc chồng chéo trong thực thi nhiệm vụ, không có trường hợp thanh, kiểm tra nhiều lần trên một đối tượng và thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp theo quy định[[6]](#footnote-6).

Sở cũng đã chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra các hoạt động theo chuyên đề của các đơn vị quốc doanh Lâm nghiệp và các đơn vị trực thuộc Sở, và kiểm tra đột xuất các Trạm Kiểm lâm, đội chuyên trách bảo vệ rừng của các chủ rừng nhằm nâng cao trách nhiệm và thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý và bảo vệ rừng.

d. Xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật

Nhằm phát hiện sớm, xử lý kịp thời và nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật lâm nghiệp, hằng năm Chi cục Kiểm lâm đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, các đơn vị chủ rừng xây dựng các phương án và kế hoạch chống chặt phá rừng; cùng với việc tổ chức thực hiện các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh về tăng cường các biện pháp ngăn chặn, truy quét những tổ chức, cá nhân chặt phá rừng trái phép, khai thác lâm sản, săn bắt động vật rừng trái pháp luật đã được triển khai quyết liệt; sự phối hợp giữa lực lượng Kiểm lâm, chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng và đơn vị chủ rừng được triển khai đồng bộ, kịp thời; ứng dụng công nghệ ảnh viễn thám và các phần mềm phát hiện biến động rừng trong việc giám sát tài nguyên rừng, sử dụng phần mềm hệ thống SMART trong việc tuần tra, truy quét tại rừng nên tình trạng khai thác, mua bán, vận chuyển trái phép lâm sản và động vật rừng đã được ngăn chặn có hiệu quả, các vụ vi phạm pháp luật lâm nghiệp đã được phát hiện, bắt giữ kịp thời.

*Kết quả xử lý vi phạm từ đầu năm 2017 đến nay:*

- Xử lý vi phạm hành chính: đã phát hiện 1.444 vụ vi phạm, với số lâm sản tịch thu 1.594,22 m3 gỗ , tịch thu 10 xe ô tô. Thu nộp ngân sách 11.560.670.000 đồng[[7]](#footnote-7)

- Về truy quét chống chặt phá rừng: đã tổ chức 927 đợt, với 25.307 ngày công tham gia, lập biên bản xử lý 648 vụ vi phạm; tịch thu 585,1 m3 gỗ, phá hủy nhiều dây bẫy động vật rừng và nhiều lán trại.

- Xử lý theo thủ tục tố tụng hình sự: Đã khởi tố 04 vụ với 05 bị can. Trong đó, đã truy tố, xét xử 01 vụ/01 bị cáo, phạt 1 năm 6 tháng tù về tội “Hủy hoại rừng” cho hưởng án treo, thời gian thử thách 3 năm.

Nhìn chung, việc thực hiện các quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính về mức tiền phạt, về hình thức xử phạt, thẩm quyền xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực lâm nghiệp là phù hợp với tình hình thực tiễn của công tác đấu tranh phòng, chống vi phạm hành chính và đời sống kinh tế - xã hội hiện nay. Việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật đảm bảo khách quan, nghiêm minh, đúng người, đúng pháp luật, đã có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các đối tượng vi phạm, đồng thời không có khiếu nại, khiếu kiện đối với các quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

**3. Rà soát, đánh giá, kiểm soát chặt chẽ các quy hoạch, dự án phát triển kinh tế, xã hội có tác động đến diện tích, chất lượng rừng**

Giám sát chặt chẽ các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, nhất là các dự án phát triển thuỷ điện, khai thác khoáng sản, xây dựng các khu công nghiệp, dịch vụ du lịch...Từ năm 2017 đến 30/6/2019, toàn tỉnh có 25 dự án được chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác với diện tích 167,1 ha[[8]](#footnote-8)*(Chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm)*

**4. Điều tra, đo đạc, xây dựng hồ sơ quản lý, phân định, đánh mốc ranh giới các loại rừng**

a. Về phân định, đánh mốc ranh giới các loại rừng trên bản đồ và thực địa đến đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn

Trên cơ sở kết quả kiểm kê rừng năm 2016, mốc ranh giới các loại rừng trên địa bàn toàn tỉnh đã được xác định trên bản đồ đến đơn vị hành chính, xã, phường, thị trấn. Việc phân định, đánh mốc ranh giới đã được tiến hành ở các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng và công ty TNHH NN MTV trên địa bàn tỉnh.

b. Về giải quyết dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật

Để giải quyết tình trạng tranh chấp, lấn chiếm rừng, đất rừng, Sở đã chỉ đạo tổ chức triển khai Chỉ thị 65 đồng bộ tại 9 huyện, thị xã, thành phố Huế. Các Ban chỉ đạo cấp huyện đã thành lập Tổ công tác liên ngành cấp huyện phối hợp triển khai tại cấp xã và các đơn vị chủ rừng nhà nước trên địa bàn tỉnh. Kết quả đến tháng 7/2019:

- Tổ chức tuyên truyền từ cấp huyện đến cơ sở, gồm: 03 hội nghị cấp tỉnh, 21 Hội nghị cấp huyện, 65 hội nghị cấp xã và 246 cuộc họp thôn/bản.

- Diện tích rà soát là 6.227,85 ha; diện tích bị lấn chiếm là 2.334,54 ha (có chủ 1.906.85 ha và 427,69 ha không chủ); diện tích định hướng thu hồi và thu hồi là 743,05 ha.

- Số vụ lập biên bản vi phạm là 251 vụ với diện tích lấn, chiếm 209,8 ha; đã xử lý 115 vụ, thu hồi 102,4 ha, số tiền phạt đã nộp 47.750.000đ.

Đối với địa bàn thí điểm thực hiện Chỉ thị 65 tại huyện Nam Đông, Ban Chỉ đạo huyện đã xây dựng phương án xử lý chặt, phá rừng, lấn, chiếm rừng và đất lâm nghiệp và đã tổ chức hội nghị lấy ý kiến[[9]](#footnote-9).

Qua 3 năm thực hiện Chỉ thị 65 trên địa bàn tỉnh, đã đưa lại những kết quả tích cực trong việc tổ chức quản lý rừng và đất lâm nghiệp tại các địa phương, tiến tới xác định rõ nguồn gốc và chủ sở hữu rừng, đất rừng, tránh xảy ra tình trạng tranh chấp, lấn, chiếm, phá rừng tại các địa phương. Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện vẫn còn một số tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai tại các địa phương, nên việc xử lý các vụ việc phá rừng, lấn, chiếm rừng, đất rừng đang còn gặp phải khó khăn và tồn đọng trong xử lý.

c. Về hoàn thành việc giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng vào năm 2018

Thực hiện Quyết định số 2740/QĐ-BNN-KL ngày 20/9/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Sở đã chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm tham mưu UBND tỉnh xây dựng “*Đề án giao rừng, cho thuê rừng tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2010-2014”[[10]](#footnote-10)*. Đến cuối năm 2015 tổng diện tích rừng tự nhiên được giao cho các cộng đồng, nhóm hộ và hộ gia đình quản lý là 31.626,8 ha[[11]](#footnote-11). Tuy nhiên, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn với rừng chỉ thực hiện được 15.709,5 ha/31.626,8 ha rừng đã giao đạt 49,67 %, do vướng phải quy định tại Luật Đất đai 2013.

Chi cục Kiểm lâm đã chỉ đạo các Hạt Kiểm lâm tiếp tục phối hợp Phòng Tài nguyên, môi trường để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích rừng đã giao cho hộ gia đình, nhóm hộ và cộng đồng dân cư theo Đề án 430 trước đây.

d. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty lâm nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá XI

Đối với Công ty TNHH NN MTV LN Tiền phong và Nam Hòa: UBND tỉnh đã xem xét phê duyệt Phương án cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 cho từng Công ty. Đối với Công ty TNHH NN MTV LN Phong Điền, Sở đang phối hợp đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT và Thủ tướng Chính phủ xin chủ trương, đề nghị thẩm định phương án sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Đối với Công ty TNHH NN MTV LN Phú lộc, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 về việc giải thể Công ty. Tuy nhiên, đến nay việc bàn giao rừng và đất rừng mới hoàn thành, Hội đồng giải thể Công ty đang hoàn tất Phương án giải thể trình UBND tỉnh phê duyệt để kết thúc quá trình giải thể.

\* Đánh giá về mô hình sắp xếp, đổi mới đã được phê duyệt: Đối với Công ty TNHH NN MTV LN Tiền phong và Nam Hoà, thực hiện Phương án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp có cơ cấu hợp lý hơn, tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính là trồng rừng, sản xuất kinh doanh giống cây lâm nghiệp, dịch vụ kỹ thuật nông lâm...; việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất, kinh doanh rừng bền vững được chú trọng; hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh được nâng cao; năng lực quản lý và quản trị doanh nghiệp được kiện toàn, đổi mới; tạo được việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; bảo vệ môi trường sinh thái và góp phần xoá đói, giảm nghèo trên địa bàn. *(Chi tiết theo phụ lục 08 đính kèm)*

**5. Trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương**

Lãnh đạo các địa phương, các cơ quan đã có trách nhiệm hơn trong công tác QLBV&PTR, triển khai nghiêm túc Luật Lâm nghiệp, Nghị định 156/2018/NĐ-CP, Quyết định [07/2012/QĐ-TTg](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=07/2012/Q%C4%90-TTg&match=True&area=2&lan=1&bday=08/02/2012&eday=08/02/2012)…

Từ năm 2017 đến nay đã xử lý 4 trường hợp vi phạm trong thi hành công vụ với hình thức xử lý kỷ luật là khiển trách và cách chức.*(Chi tiết theo phụ lục 10 đính kèm).*

**6. Phát triển rừng, nâng cao giá trị của rừng**

a. Quản lý nâng cao chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp

- Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp chính theo chuỗi hành trình từ khâu thu hái vật liệu, sản xuất giống đến lô cây con cho trồng rừng; thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả quy định tại Thông tư 30/2018/TT-BNNPTNT.

- Tăng cường công tác kiểm tra và xử lý vi phạm về hoạt động sản xuất kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định tại Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Đối với những nội dung không thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan Kiểm lâm[[12]](#footnote-12) thì phối hợp các cơ quan liên quan...tổ chức kiểm tra và xử lý vi phạm theo quy định tại Luật Thương mại, Luật Doanh nghiệp...

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân trên địa bàn trồng rừng bằng giống cây có năng suất, chất lượng cao theo hướng thân thiện với môi trường; tích cực vận động tổ chức, cá nhân tham gia trồng rừng gỗ lớn, hướng đến cấp chứng chỉ rừng FSC nhằm nâng cao năng suất và giá trị rừng trồng.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân sản xuất gieo ươm cây con bằng phương pháp nuôi cấy mô, gieo ươm cây con bằng túi bầu thân thiện với môi trường với quy mô công nghiệp để hạ giá thành cây giống phục vụ trồng rừng.

- Tổ chức triển khai Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 25/8/2018 về Phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2025, trong đó, ưu tiên rà soát, đầu tư phát triển hệ thống nguồn giống; phối hợp các cơ quan nghiên cứu để tiếp nhận, chuyển giao giống mới và công nghệ nhân giống tiên tiến, đáp ứng nhu cầu trồng rừng tại địa phương.

b. Đẩy mạnh trồng rừng ngập mặn, phòng hộ ven biển, ven sông, rừng đầu nguồn

Đến nay đã trồng được 421,2 ha rừng[[13]](#footnote-13) và quản lý bảo vệ 4.599,7 ha rừng là rú cát tự nhiên và rừng trồng ven biển, đầm phá[[14]](#footnote-14). Ngoài ra, đã cấp hơn 50 vạn cây phân tán ngập mặn cho người dân ở các xã vùng ven biển[[15]](#footnote-15) thuộc dự án Đầu tư phát triển rừng ven biển và đầm phá tỉnh Thừa Thiên Huế.

c. Trồng rừng mới, trồng lại rừng sau khai thác; nâng cao chất lượng, năng suất rừng trồng; chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ thành rừng kinh doanh gỗ lớn

Diện tích trồng rừng tập trung từ năm 2017 đến tháng 5/2019 đạt 12.256,8 ha, trong đó: rừng sản xuất 11.562,4 ha, đạt 63,5% so với kế hoạch, chủ yếu trồng lại rừng sau khai thác; rừng phòng hộ, đặc dụng 694,4 ha, đạt 49,6% kế hoạch chủ yếu từ nguồn vốn trồng rừng thay thế, nguyên nhân đạt thấp do nguồn vốn đầu tư công bị cắt giảm, mặt khác các dự án như dự án Đầu tư Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt trong năm 2016 đến nay chưa được thông báo vốn.

Chất lượng rừng trồng ngày càng được nâng cao thông qua việc quản lý nguồn gốc, chất lượng cây giống đảm bảo, cải tiến các biện pháp kỹ thuật trong việc trồng, chăm sóc rừng; sản lượng gỗ rừng trồng bình quân đạt khoảng 450.000m3/năm.

Đến tháng 8/2019, có 7.768,3 ha rừng được cấp chứng chỉ FSC, chiếm 10,22% diện tích rừng trồng sản xuất có trữ lượng, thông qua việc triển khai một số các mô hình quản lý kinh doanh lâm nghiệp bền vững thành công[[16]](#footnote-16). Thừa Thiên Huế là một trong những địa phương sớm thực hiện mô hình quản lý rừng bền vững gắn với việc cấp chứng chỉ rừng cho cả 2 đối tượng là tổ chức và hộ gia đình. Việc cấp chứng chỉ rừng đã góp phần nâng cao giá trị kinh tế của rừng, ổn định đầu ra cho các sản phẩm từ rừng, tăng tỷ trọng gỗ gia dụng, góp phần giải quyết nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến hàng hóa xuất khẩu đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường quốc tế.

*(Chi tiết theo phụ lục 11 đính kèm)*

d. Kết quả trồng rừng thay thế

Đến tháng 5/2019, toàn tỉnh có 76 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác với diện tích phải trồng rừng thay thế 1.785,4 ha[[17]](#footnote-17). Đến nay đã bố trí vốn được 498,4 ha, trong đó đã trồng được 246,5 ha, diện tích còn lại đang tổ chức thực hiện. *(Chi tiết theo phụ lục 12 đính kèm)*

Hoạt động trồng, chăm sóc và quản lý bảo vệ rừng thay thế đã thu hút sự tham gia của người dân sống ven rừng, người làm nghề rừng, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số từ đó tạo thêm việc làm, ổn định đời sống, nâng cao thu nhập, góp phần cải thiện sinh kế, đồng thời nâng độ che phủ trên toàn tỉnh.

**7. Công tác quản lý, bảo vệ rừng**

Trong 7 tháng đầu năm 2019, nhờ phương pháp phân tích ảnh viễn thám đã phát hiện và ngăn chặn 79 vụ phá rừng tự nhiên và lấn chiếm đất lâm nghiệp với diện tích 58,63 ha (trong đó phá rừng 41 vụ với diện tích 8,35 ha rừng tự nhiên bị phá, lấn chiếm 38 vụ với diện tích 50,28 ha). Diện tích rừng tự nhiên bị phá thuộc trạng thái rừng nghèo, trong đó có 7,92 ha rừng sản xuất, 0,43 ha rừng phòng hộ. Đã xử phạt 08/41 vụ vi phạm phá rừng tự nhiên với số tiền 33,1 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước, số vụ vi phạm về phá rừng tự nhiên để làm nương rẫy tăng 12 vụ, diện tích phá rừng tăng 0,32 ha; số vụ lấn chiếm tăng 33 vụ, diện tích lấn chiếm tăng 39,93 ha.

Công tác PCCCR được triển khai đồng bộ và có hiệu quả theo phương châm 4 tại chỗ và 5 sẵn sàng. Sau vụ cháy đã tổ chức rút kinh nghiệm qua từng vụ việc, điều chỉnh, hoàn thiện các kế hoạch để nâng cao hiệu quả công tác.

Triển khai thực hiện Chỉ thị 65 về tăng cường các biện pháp quản lý rừng và đất lâm nghiệp, chỉ đạo các huyện tổ chức rà soát, kê khai đất đai trên địa bàn toàn huyện.

Công tác quản lý rừng chặt chẽ với nhiều ứng dụng tiến bộ kỹ thuật lâm nghiệp được triển khai, góp phần quản lý chặt chẽ tình hình rừng và tham mưu kịp thời cho công tác lãnh chỉ đạo của tỉnh, huyện.

Nhìn chung, công tác QLBVR từ năm 2017 đến nay cơ bản ổn định, tình hình chặt phá rừng, lấn chiếm rừng lấy đất sản xuất giảm nhiều so với giai đoạn trước; các đơn vị chủ rừng, các cơ quan Kiểm lâm, Công an, Quân đội đã có nhiều nỗ lực trong công tác phối hợp tuần tra, chốt chặn, truy quét ngăn chặn việc khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép, phá rừng, vi phạm quy định về động vật hoang dã, công tác PCCCR.

*(Chi tiết theo phụ lục 13 đính kèm).*

**8. Khai thác rừng và chuyển đổi mục đích sử dụng rừng**

Từ năm 2017, thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW và Chương trình 27-CTr/TU, trên địa bàn tỉnh không tổ chức khai thác tận dụng sau khai thác chính rừng tự nhiên, đồng thời dừng việc xin cấp chỉ tiêu khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ xóa nhà tạm cho đồng bào dân tộc, chuyển sang cơ chế hỗ trợ khác và sử dụng vật liệu thay thế. Như vậy, việc khai thác tận thu, tận dụng lâm sản trong rừng tự nhiên chỉ thực hiện đối với diện tích rừng được phép chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật[[18]](#footnote-18).

Chỉ đạo UBND cấp huyện phối hợp các cơ quan ban ngành liên quan, chính quyền địa phương rà soát, đề nghị chuyển đổi diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng sang các mục đích khác không phải lâm nghiệp, đặc biệt là các dự án thủy điện đều được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, theo Luật Lâm nghiệp về chuyển loại rừng đối với các dự án đã được phê duyệt, hạn chế tác động đến môi trường.

**9. Đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực QLBVR&PTR**

Chỉ đạo ký biên bản ghi nhớ giữa Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thừa Thiên Huế và Chi cục Thanh tra Lâm nghiệp tỉnh Salavan, tỉnh Sê Kông về phối hợp QLBVR, bảo vệ động vật hoang dã tuyến biên giới Việt Nam - Lào giai đoạn 2017-2020[[19]](#footnote-19)

Chi cục Kiểm lâm đã tổ chức ký kết quy chế phối hợp Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh trong QLBVR khu vực biên giới; đấu tranh chống buôn lậu, vận chuyển trái phép lâm sản qua biên giới tỉnh, theo đó các Hạt Kiểm lâm tổ chức ký kết quy chế phối hợp với các Đồn Biên Phòng, đã phối hợp chặt chẽ tổ chức nhiều đợt truy quét với hàng ngàn ngày công tham gia, bắt giữ 13 vụ vi phạm với 19,8 m3 gỗ các loại.

Tăng cường mở rộng mối quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, kêu gọi đầu tư phát triển lâm nghiệp thông qua các chương trình bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao năng lực quản lý cho ngành lâm nghiệp, tiếp nhận và thực hiện có hiệu quả các chương trình dự án trong và ngoài nước[[20]](#footnote-20).

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ**

Qua triển khai thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW đã nâng cao nhận thức, ý thức và trách nhiệm của nhiều cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác QLBV&PTR. Đã khắc phục những tồn tại, yếu kém trong lãnh, chỉ đạo; cấp ủy, chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể đã thật sự quan tâm, thực hiện tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm về QLBV&PTR; đã phân định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, địa phương, trách nhiệm của Kiểm lâm địa bàn, của chủ rừng. Đặc biệt cấp ủy, chính quyền địa phương đã quan tâm hơn trong công tác QLBVR-PCCCR, chú trọng đến tuyên truyền giáo dục đến cộng đồng dân cư; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng.

Từ khi có Chỉ thị 13-CT/TW đến nay, trên địa bàn tỉnh việc lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp trái phép được phát hiện và xử lý kịp thời; toàn bộ diện tích rừng tự nhiên hiện có được quản lý và bảo vệ nghiêm ngặt, tình trạng phá rừng, lấn chiếm rừng tự nhiên để trồng rừng, sử dụng mục đích khác giảm; diện tích rừng phòng hộ ven biển được quản lý bảo vệ nghiêm ngặt; công tác quy hoạch, bảo vệ, phát triển rừng đồng bộ, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các dự án phát triển kinh tế[[21]](#footnote-21) phù hợp với quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, quy hoạch sử dụng đất và phát triển kinh tế - xã hội huyện, đã chú trọng đến bảo vệ, phát triển rừng, không gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái; việc chuyển đổi rừng sang mục đích khác được kiểm soát chặt chẽ.

Dưới sự lãnh, chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy Sở Nông nghiệp và PTNT, sự phối hợp tích cực, đồng bộ của các ban, ngành liên quan, chính quyền địa phương, các đoàn thể chính trị - xã hội, các đơn vị chủ rừng và người dân gần rừng đã nâng cao hiệu quả công tác QLBV&PTR. Trách nhiệm người đứng đầu chính quyền các cấp, các tổ chức ban ngành được xác định rõ ràng và được thể hiện rõ trong công tác lãnh, chỉ đạo công tác bảo vệ và phát triển rừng.

Công tác kiểm tra giám sát của Ban Chỉ đạo tỉnh, huyện, Đoàn kiểm tra liên ngành huyện về QLBV&PTR được thực hiện bài bản từ xây dựng kế hoạch, quy trình xử lý vụ việc... Các đơn vị chủ rừng, cộng đồng dân cư, nhóm hộ và hộ gia đình được giao rừng, giao đất đã sử dụng đúng mục đích, phát huy hiệu quả sử dụng rừng, đất rừng góp phần nâng cao thu nhập của người dân từ rừng.

Đã nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã, ban, ngành liên quan, đã chủ động tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc QLBV&PTR trên địa bàn quản lý, quyết liệt đấu tranh ngăn chặn xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; thể hiện tinh thần kiên quyết trong xử lý các trường hợp thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra tình trạng phá rừng, lấn chiếm rừng, cháy rừng theo quy định pháp luật.

Kịp thời phối hợp rà soát, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi các quy định của tỉnh trong công tác QLBV&PTR cho đúng quy định của pháp luật và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn.

**Phần III**

**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

Năm 2020, cả nước tiếp tục thực hiện quyết liệt chủ trương dừng khai thác chính rừng tự nhiên, giá trị gỗ rừng tự nhiên sẽ tăng lên, khiến việc khai thác trái phép gỗ tại các khu rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng của tỉnh có nguy cơ diễn biến phức tạp; ngoài ra, nhu cầu phát triển kinh tế ngày càng cao, vấn đề sinh kế của người dân ven rừng, sẽ tạo ra những áp lực rất lớn trong công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh. Những diễn biến bất lợi của biến đổi khí hậu sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất lâm nghiệp cũng như ảnh hưởng bất lợi đến công tác PCCCR.

Những vấn đề nêu trên, đòi hỏi cấp bách phải có những chương trình, kế hoạch trung, dài hạn về quản lý bảo vệ và phát triển rừng một cách bền vững.

**II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TIẾP THEO**

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, định hướng lãnh đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT xác định các nhiệm vụ chính và giải pháp trong thời gian tới như sau:

**1. Về nhiệm vụ**

a. Bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng

Tiếp tục bảo vệ, giữ vững ổn định và cải thiện chất lượng rừng tự nhiên, tăng năng suất và chất lượng rừng trồng theo hướng sản xuất gỗ lớn, bền vững về môi trường để phấn đấu đạt và duy trì độ che phủ rừng toàn tỉnhnăm 2020 đạt xấp xỉ 57,5%.

Toàn bộ diện tích rừng tự nhiên hiện có được bảo vệ nghiêm ngặt và các diện tích rừng trồng tập trung (đặc biệt ở các vùng trọng điểm dễ cháy), không để cháy rừng xảy ra trên diện rộng. Đồng thời thực hiện tốt các phương án QLBVR-PCCCR, phòng chống chặt phá rừng, không để xảy ra các điểm nóng về phá rừng, xâm lấn rừng; giảm dần số vụ phá rừng qua các năm và ngăn chặn, xử lý kịp thời, hiệu quả các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

b. Phát triển, nâng cao năng suất và chất lượng rừng

Trồng rừng mới rừng phòng hộ, đặc dụng, trồng rừng sản xuất (trồng mới, trồng lại rừng sau khai thác), chăm sóc rừng, khoán quản lý bảo vệ rừng, trồng cây phân tán.

Thực hiện Kế hoạch Phát triển rừng trồng gỗ lớn có chứng chỉ FSC năm 2020 đối với đối tượng nhóm hộ từ 1.300 đến 1.500 ha, đạt chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020 là xây dựng 16.000 ha rừng gỗ lớn, với diện tích được cấp chứng chỉ FSC đạt 9.000 rừng trồng sản xuất theo Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh.

c. Đầu tư công trình BVR - PCCCR: Sửa chữa nâng cấp chòi canh lửa rừng, tu bổ, nâng cấp đường ranh cản lửa, sửa chữa biển báo nguy cơ cấp cháy rừng, bảng quy ước và bảng niêm yết.

**2. Giải pháp thực hiện**

a. Về công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về QLBV&PTR

Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng, vận động nhân dân, đặc biệt là cộng đồng dân cư ở các khu vực gần rừng, ven rừng tham gia bảo vệ rừng, biến nhận thức về pháp luật thành ý thức tự giác thường trực và hành động cụ thể của mỗi doanh nghiệp, mỗi người dân, để họ tự giác không tham gia hoặc tiếp tay cho hành vi vi phạm pháp luật nói chung và pháp luật lâm nghiệp nói riêng; xây dựng phong trào toàn dân tham gia vào công tác QLBV&PTR bằng nhiều hình thức phong phú, đặc biệt thông qua việc thành lập các tổ, đội quần chúng bảo vệ rừng hoạt động hiệu quả tại cơ sở. Định kỳ hằng tuần có ít nhất 01 tin bài phát trên Đài Phát thanh và Truyền hình cấp huyện; phát huy tối đa hệ thống các trạm truyền thanh cấp xã phục vụ tuyên truyền hằng ngày về QLBV&PTR.

Làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật bảo vệ rừng trong các trường học. Xem đây là chiến lược đảm bảo nâng cao nhận thức, thay đổi được thái độ, hành vi thân thiện với môi trường thiên nhiên cho thế hệ trẻ.

b. Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về QLBV&PTR

- Thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách QLBV&PTR của Trung ương và tỉnh, đặc biệt chú trọng đến quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu của chính quyền cấp huyện, xã trong công tác quản lý Nhà nước về rừng và đất rừng được quy định tại Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục rà soát sửa đổi các quy định của tỉnh trong công tác QLBV&PTR cho đúng quy định của pháp luật và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy chế phối hợp trong QLBV&PTR giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị đối với công tác QLBV&PTR.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 65 để thu hồi các diện tích rừng bị lấn chiếm tại các địa phương, đơn vị; đôn đốc các Hạt Kiểm lâm tổ chức rà soát, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị 65; tăng cường kiểm tra tình trạng phá rừng để lấn chiếm và lập biên bản xử lý.

- Tiếp tục chỉ đạo các chủ rừng xây dựng phương án phát triển rừng bền vững, đặc biệt đối tượng rừng sản xuất theo tinh thần Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 Quy định về quản lý rừng bền vững, kết hợp xây dựng phương án giao khoán theo Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 để trình thẩm định và phê duyệt.

- Thực hiện nghiệm túc và quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích sử dụng khác, đảm bảo các điều kiện triển khai các dự án phát triển kinh tế, du lịch triển khai trên địa bàn tỉnh theo đúng quy hoạch ngành và địa phương.

c. Về thực hiện hiệu quả quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng

- Trên cơ sở Kế hoạch BV&PTR năm 2016 - 2020, quy hoạch 3 loại rừng và kiểm kê rừng năm 2016, tiếp tục tổ chức rà soát, xác định rõ, hợp lý và kiểm soát chặt chẽ cơ cấu diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ và sản xuất nhằm quản lý tài nguyên rừng bền vững; xây dựng Đề án lâm phần ổn định của tỉnh, đặc biệt là quy hoạch các vùng rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn theo hướng chứng chỉ rừng FSC, lâm sản ngoài gỗ, kết hợp kinh doanh nông lâm kết hợp đa dạng sản phẩm theo hướng tái cơ cấu ngành lâm nghiệp.

- Tăng cường tổ chức quản lý quy hoạch, kế hoạch và các chương trình dự án theo đúng mục tiêu đề ra; tổ chức thực hiện có hiệu quả theo dõi diễn biến tài nguyên rừng bằng ứng dụng các biện pháp kỹ thuật cao; kiểm soát chặt chẽ quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội có tác động đến diện tích và chất lượng rừng, nhất là diện tích rừng tự nhiên; không chuyển đổi các diện tích rừng tự nhiên sang mục đích khác (ngoài mục đích quốc phòng, an ninh hoặc các dự án đặc biệt, cấp thiết do Chính phủ quyết định).

d. Về bảo vệ rừng

- Tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị 13-CT/TW, Nghị quyết 71/NQ-CP, Chương trình hành động 27/CTr-TU và Kế hoạch 216/KH-UBND.

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến thực hiện Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp cho các đơn vị trực thuộc, các chủ rừng nhà nước trên địa bàn để tiếp tục tuyên truyền sâu rộng đến cơ sở và cộng đồng các địa phương.

- Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục sâu rộng bằng nhiều hình thức nhằm nâng cao nhận thức về quản lý tài nguyên rừng, PCCCR trong mọi tầng lớp nhân dân; đặc biệt, chú trọng công tác tuyên truyền về PCCCR, kiểm tra việc quản lý đốt thực bì; nghiêm cấm tuyệt đối việc đốt xử lý thực bì tại các khu vực cảnh quan xung quanh, các khu du lịch nghỉ dưỡng; thực hiện nghiêm túc Phương án PCCCR đã được phê duyệt; thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo cháy rừng trên hệ thống thông tin cảnh báo sớm cháy rừng của Cục Kiểm lâm để triển khai kịp thời các nội dung phương án PCCCR theo từng thời điểm; phối hợp kiểm tra thường xuyên và đột xuất việc thực hiện phương án PCCCR các chủ rừng và tổ chức tốt các biện pháp phòng ngừa từ xa, rà soát các loại phương tiện, dụng cụ, hậu cần và củng cố các Tổ, Đội PCCCR, dự phòng để ứng cứu kịp thời khi có cháy rừng xảy ra; phối hợp với các đơn vị liên quan xác minh các vụ cháy rừng…

- Yêu cầu các chủ rừng xây dựng các phương án phòng chống chặt phá rừng để tăng cường giám sát các diện tích rừng tự nhiên của các chủ rừng là các ban quản lý, công ty Lâm nghiệp và các cộng đồng địa phương, kể cả các diện tích hiện đang tạm thời giao cho UBND xã quản lý; chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm tăng cường các biện pháp giám sát các chủ rừng, đồng thời tiếp tục áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để quản lý tận gốc các khu vực rừng thường hay xảy ra tình trạng khai thác trái phép, giám sát chặt chẽ các đường vận chuyển, quản lý chặt chẽ các cơ sở chế biến gỗ tại các huyện, thị xã, thành phố Huế.

- Thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác quản lý tài nguyên rừng của các chủ rừng. Từ kết quả kiểm kê rừng để lập hồ sơ rừng quản lý theo từng chủ rừng; xem xét trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong việc thực hiện trách nhiệm của chủ rừng nếu để xảy ra phá rừng do đơn vị quản lý.

- Thực hiện các quy chế phối hợp giữa Kiểm lâm với các đơn vị chức năng liên quan (Công an, Quân đội, dân quân tự vệ,...) các tỉnh vùng biên giới Việt - Lào, để ngăn chặn, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, đặc biệt là quản lý các đối tượng đầu nậu thường xuyên tổ chức các băng nhóm khai thác rừng trái phép.

- Chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm thực hiện tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương về công tác QLBV&PTR, tăng cường kiểm tra, giám sát, quản lý chặt chẽ các cơ sở chế biến gỗ.

đ. Về đẩy mạnh phát triển, nâng cao giá trị của rừng

- Chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo CTrMTPTLNBV giai đoạn 2016 -2020, chú trọng công tác bảo vệ rừng tận gốc, trồng rừng thay thế, trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu; quản lý bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn; cải tạo rừng, làm giàu rừng bằng việc trồng bổ sung các loài bản địa và khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên nhằm tăng cường khả năng phòng hộ, nâng cao giá trị đa dạng sinh học và các giá trị khác của rừng.

- Tiếp tục chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả Kế hoạch trồng rừng gỗ lớn gắn chứng chỉ rừng FSC theo chuỗi giá trị; đạt tối thiểu có 9.000 ha rừng gỗ lớn có chứng chỉ FSC trên tổng số 16.000 ha kế hoạch vào năm 2020. Xây dựng và triển khai thực hiện đề án giống cây lâm nghiệp theo hướng xã hội hoá để quản lý chặt chẽ nguồn giống và nâng cao chất lượng giống; nghiên cứu xây dựng đề án phát triển kinh tế vùng gò đồi, miền núi trên cơ sở khai thác tiềm năng, thế mạnh của các địa phương. Chú trọng phát triển trồng cây lâm sản ngoài gỗ, nhất là cây dược liệu, dưới tán rừng để nâng cao giá trị gia tăng kinh doanh lâm nghiệp. Phấn đấu nâng cao năng suất rừng trồng sản xuất đạt 25 -30m3/ha/ năm; nâng cao giá trị gia tăng của rừng trồng đạt tối thiểu 200 triệu đồng/ha/ chu kỳ vào năm 2020.

- Chỉ đạo thực hiện và giám sát chặt chẽ chương trình khoán bảo vệ rừng theo Nghị định 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ[[22]](#footnote-22).

- Phối hợp với các ngành và địa phương để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động của tỉnh về giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng cũng như sẵn sàng khai thác các dịch vụ sinh thái khác như tín chỉ các bon rừng, dịch vu du lịch sinh thái, phát thải công nghiệp,…

e. Về rà soát, đổi mới tổ chức sản xuất lâm nghiệp

- Tổ chức rà soát sắp xếp lại các tổ chức quản lý rừng trên cơ sở kết quả rà soát đánh giá lại quy hoạch rừng, phân định rõ lâm phận ổn định cho các Ban quản lý rừng, các Công ty lâm nghiệp và diện tích đất trống để thực hiện nhiệm vụ phát triển rừng.

- Đổi mới cơ chế và tổ chức quản lý rừng theo hướng nâng cao quyền tự chủ cho các hộ gia đình, ban quản lý rừng và doanh nghiệp thông qua Đề án tái cấu trúc các tổ chức quản lý rừng của tỉnh.

- Khuyến khích các hình thức liên kết hợp đồng giữa doanh nghiệp chế biến và các chủ rừng theo mô hình chuỗi giá trị rừng trồng gỗ lớn từ ký kết hợp đồng và bao tiêu sản phẩm cho chủ rừng với chính sách ưu đãi cho vay và có giá mua thực hiện theo giá thị trường đối với gỗ không có FSC và có hỗ trợ chi phí đánh giá cấp chứng chỉ rừng, hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình thực hiện FSC.

g. Về khoa học, công nghệ và khuyến lâm

- Nghiên cứu và tuyển chọn các loài cây trồng rừng thích nghi trên các dạng lập địa, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong tạo giống cây trồng, thân thiện với môi trường và kinh nghiệm sản xuất cây giống bản địa trong nhân dân.

- Nâng cao năng suất rừng và chất lượng rừng thông qua việc phát triển rừng trồng sản xuất có năng suất cao, nâng cao tỷ lệ gỗ nguyên liệu cung ứng cho công nghiệp chế biến và sản xuất đồ gỗ.

- Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giám sát tài nguyên rừng, tranh thủ hỗ trợ từ các chương trình dự án trong nước và quốc tế để tăng cường nguồn lực kỹ thuật và tài chính cho công tác quản lý bảo vệ rừng tự nhiên.

- Tổ chức các lớp phổ cập về công tác lâm nghiệp đến tận cán bộ xã và người dân nhằm thay đổi dần phương thức trồng rừng nguyên liệu quảng canh sang thâm canh rừng; xây dựng các mô hình trồng rừng gỗ lớn phục vụ nhu cầu gỗ gia dụng, kinh doanh lâm sản ngoài gỗ.

h. Về thị trường: Tăng cường tiếp thị để tìm hiểu thị trường về cung cầu; nghiên cứu chính sách tiêu thụ lâm sản hợp lý, có lợi cho người sản xuất, chú trọng các sản phẩm từ rừng trồng; khuyến khích tiêu thụ hàng lâm sản nội địa thay hàng nhập khẩu và đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng lâm sản.

i. Về hợp tác quốc tế: Tăng cường mở rộng mối quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, kêu gọi đầu tư phát triển lâm nghiệp thông qua các chương trình bảo tồn đa dạng sinh học, hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý cho ngành lâm nghiệp.

**III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

- Kiến nghị Chính phủ tăng thuế xuất khẩu dăm thô và tăng thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp xuất khẩu dăm gỗ dạng thô để giảm tỷ trọng, chuyển hướng sang chế biến sâu, đa dạng hóa các sản phẩm từ gỗ rừng trồng.

- Bộ Nông nghiệp và PTNT làm việc các Bộ ngành liên quan bố trí đủ nguồn lực cho địa phương để triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án, các chính sách phát triển lâm nghiệp; đặc biệt là các chương trình, dự án trọng điểm; đồng thời tạo điều kiện tiếp cận với các nguồn vốn vay ưu đãi của các tổ chức tài chính, tín dụng nước ngoài như ODA, IDA...để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, phục vụ cho sản xuất lâm nghiệp.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật, tạo môi trường pháp lý thuận lợi trong công tác QLBV&PTR; có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào công tác quản lý rừng bền vững; hỗ trợ tổ chức, cá nhân ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và thân thiện với môi trường.

- Cần quy hoạch lại cơ cấu tỷ trọng rừng sản xuất, tái cơ cấu công ty lâm nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh doanh, chú trọng tập trung trồng rừng gỗ lớn hướng tới cấp chứng chỉ rừng bền vững (FSC).

- Tiếp tục đầu tư, hỗ trợ cho công tác PCCCR thông qua các chương trình, dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng Kiểm lâm tỉnh Thừa Thiên Huế, đầu tư hạ tầng cơ sở, trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ; các công trình phòng cháy; tổ chức tuyên truyền, tập huấn về nghiệp vụ chữa cháy, kỹ thuật chữa cháy rừng tại các vùng có địa hình khó khăn.

Trên đây là đánh giá tình hình thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW của ban Bí thư Trung ương Đảng, Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ủy ban nhân dân tỉnh;  - TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;  - GĐ và PGĐ Sở phụ trách;  - Chi cục Kiểm lâm;  - Lưu: VT. | **KT. GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC** |

1. Theo Quyết định số 911/QĐ-BNN-TCLN ngày 19/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2018 [↑](#footnote-ref-1)
2. Chỉ thị 12/2003/CT-TTg ngày 16/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp cấp bách để bảo vệ và phát triển rừng [↑](#footnote-ref-2)
3. Chỉ thị 1685/CT-TTg ngày 27/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ tăng cường chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng và chống người thi hành công vụ. [↑](#footnote-ref-3)
4. Quyết định 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách về tăng cường công tác bảo vệ rừng [↑](#footnote-ref-4)
5. Theo Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-5)
6. Từ năm 2017 đến nay, đã tổ chức 07 cuộc thanh tra và 59 cuộc kiểm tra chuyên ngành, chủ yếu tập trung thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về quản lý rừng, phát triển rừng, sử dụng rừng, bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên, giống cây lâm nghiệp, kinh doanh chế biến lâm sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật. Đối tượng được thanh tra, kiểm tra thấy được những điểm sai sót cần phải khắc phục, sửa chữa, đảm bảo tính nghiêm minh các quy định của nhà nước. [↑](#footnote-ref-6)
7. Trong đó tiền phạt 2.576.158.000 đồng và tiền bán lâm sản 8.984.512.000 đồng. [↑](#footnote-ref-7)
8. Phân theo hiện trạng rừng: Rừng tự nhiên 15,10 ha và rừng trồng 151,94 ha. Phân theo quy hoạch 3 loại rừng: Rừng đặc dụng 15,89 ha (gồm 7,98 ha rừng tự nhiên và 7,92 ha rừng trồng); rừng phòng hộ 22,20 ha (gồm 1,89 ha rừng tự nhiên và 20,301 ha rừng trồng); rừng sản xuất 128,96 ha (gồm 5,24 ha rừng tự nhiên và 123,73 ha rừng trồng) [↑](#footnote-ref-8)
9. Trong đó đã có ý kiến tham gia của Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài nguyên và Môi trường theo văn bản số 1071/LS SNNPTNT-TNMT ngày 26/6/2019 của Liên Sở Nông nghiệp và PTNT và Tài nguyên và Môi trường. [↑](#footnote-ref-9)
10. Được UBND tỉnh phê duyệt Đề án tại Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 02/3/2010 (gọi tắt là Đề án 430) [↑](#footnote-ref-10)
11. Trong đó, giao cho 88 cộng đồng với diện tích 16.023,7 ha, 225 nhóm hộ với diện tích 13.205,0 ha và 157 hộ gia đình với diện tích 1.041,1 ha, giao Đồn Biên phòng 629 và ĐBP cửa khẩu Hồng Vân quản lý 1.357 ha (diện tích rừng nằm xa khu dân cư, sát biên giới Việt - Lào). [↑](#footnote-ref-11)
12. Ví dụ: nguồn gốc sản phẩm lô giống, lô cây con không rõ ràng, không có giấy phép đăng ký kinh doanh... [↑](#footnote-ref-12)
13. Gồm 255,0 ha rừng trồng trên cát, 125,0 ha rừng ngập mặn và 41,2 ha rừng trồng ngập ngọt [↑](#footnote-ref-13)
14. Rừng trồng trên cát ven biển đã thành rừng với chiều cao trung bình 1,5m. Rừng trồng ngập mặn sinh trưởng rất tốt, những diện tích trồng năm 2016, 2017 có chiều cao trung bình trên 5m, đã phát huy rất tốt chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường, tạo nên những cảnh quan đẹp, là nơi cư trú của các loài thủy sản. Diện tích rừng đưa vào quản lý bảo vệ nghiệm ngặt, không để mất rừng, cháy rừng xảy ra, chất lượng rừng được nâng cao rõ rệt. [↑](#footnote-ref-14)
15. để trồng phân tán tại các khu vực ven phá, trong các ao nuôi thủy sản hạ triều thuộc địa bàn các huyện Phú Lộc, Phú Vang, Quảng Điền và thị xã Hương Trà. [↑](#footnote-ref-15)
16. như: trồng rừng gắn liền với cấp chứng chỉ rừng (FSC); trồng rừng gỗ lớn; chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn; liên doanh, liên kết với Công ty Scansia Pacific [↑](#footnote-ref-16)
17. trong đó chủ dự án tự trồng 882,88 ha, nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ Phát triển rừng của tỉnh 906,25 ha. [↑](#footnote-ref-17)
18. Năm 2017 khai thác tận dụng 9,07 ha rừng tự nhiên, năm 2018 không cấp phép khai thác tận thu, tận dụng lâm sản từ rừng tự nhiên, năm 2019 khai thác tận dụng 22,9871 ha rừng tự nhiên. [↑](#footnote-ref-18)
19. Có ý nghĩa quan trọng để tăng cường hợp tác quản lý bảo vệ rừng khu vực biên giới và ký kết biên bản ghi nhớ giữa 2 tỉnh với mục tiêu đẩy mạnh phối hợp tuần tra, kiểm tra công tác bảo vệ rừng giáp ranh, xử lý không để xảy ra các điểm nóng về phá rừng, khai thác lâm sản trái phép trong vùng giáp ranh giữa hai nước; kiểm soát gỗ xuất nhập khẩu qua biên giới, không để lợi dụng trà trộn gỗ không nguồn gốc để hợp thức hóa qua nhập khẩu; tăng cường trao đổi thông tin về hợp tác quản lý rừng bền vững nhằm ứng phó biến đổi khí hậu. [↑](#footnote-ref-19)
20. Thực hiện các Dự án đã được phê duyệt: Dự án Trường Sơn Xanh, Dự án tăng cường vai trò của cộng đồng và các tổ chức xã hội trong công tác bảo tồn ở khu vực Trung Trường Sơn tỉnh Thừa Thiên Huế, Dự án Dự trữ Các bon và bảo tồn đa dạng sinh học rừng (Dự án CARBI) giai đoạn 2, Dự án Đầu tư phát triển rừng ven biển và đầm phá tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015-2020 [↑](#footnote-ref-20)
21. như: khai thác khoáng sản, dịch vụ du lịch, khu công nghiệp... [↑](#footnote-ref-21)
22. Nghị định số 75/2015/NĐ-CP về cơ chế, chính sách bảo vệ phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020, chi trả dịch vụ môi trường rừng. [↑](#footnote-ref-22)